nèi róng

内容

Noun · content

Example Sentences

zhè běn shū de nèi róng hěn yǒu qù
这 本 书 的 内 容 很 有 趣。

The content of this book is very interesting.

zhè běn shū de nèi róng fēi cháng yǒu qù
这 本 书 的 内 容 非 常 有 趣。

The content of this book is very interesting.

zhè fèn bào gào de nèi róng xū yào jìn yí bù hé shí
这 份 报 告 的 内 容 需 要 进 一 步 核 实。

The content of this report needs further verification.

Trace each character, then write the word on your own.

内 内 内 内 内 内 内

容 容 容 容 容 容 容 容 容 容 容

容 容